


THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP


Năm 2024, Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHDT), mã trường **SPD**, tuyển **hơn 40** ngành đào tạo trình độ đại học chính quy, **01** ngành cao đẳng Giáo dục mầm non theo **04** phương thức xét tuyển độc lập:

STT	Mã phương thức	Tên phương thức
1	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
2	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
3	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
4	402	Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM

Tất cả thí sinh tốt nghiệp THPT trên cả nước đều có thể tham gia xét tuyển vào Trường Đại học Đồng Tháp theo **04** phương thức tuyển sinh này.

1. Các ngành xét tuyển Đại học; xét tuyển Cao đẳng

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (năm 2023)	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Mã Phương thức xét tuyển
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC							
1	Giáo dục Mầm non*	7140201	314	M00	Văn, Toán, NK GDMN	NK GDMN	1. 100
				M05	Văn, Sử, NK GDMN		2. 200
				C19	Văn, Sử, GDCD		3. 301
				C20	Văn, Địa, GDCD		4. 402
2	Giáo dục Tiểu học*	7140202	604	C01	Văn, Toán, Lý		1. 100
				C03	Văn, Toán, Sử		2. 200
				C04	Văn, Toán, Địa		3. 301
				D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		4. 402
3	Giáo dục Công dân 	7140204	20	C00	Văn, Sử, Địa		1. 100
				C19	Văn, Sử, GDCD		2. 200
				D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		3. 301
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		4. 402
4	Giáo dục Chính trị*	7140205	20	C00	Văn, Sử, Địa		1. 100
				C19	Văn, Sử, GDCD		2. 200
				D01	Văn, Toán, Tiếng Anh		3. 301
				D14	Văn, Sử, Tiếng Anh		4. 402
5	Giáo dục Thể chất*	7140206	101	T00	Toán, Sinh, NKTDTT	NK TDTT	1. 100
				T05	Văn, GDCD, NKTDTT		2. 200
				T06	Toán, Địa, NKTDTT		3. 301
				T07	Văn, Địa, NKTDTT		4. 402
6	Sự phạm Toán học* - Chương trình đại trà - Chương trình toán tiếng Anh	7140209	54	A00	Toán, Lý, Hóa		1. 100
				A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		2. 200
				A02	Toán, Lý, Sinh		3. 301
				A04	Toán, Lý, Địa		4. 402
7	Sự phạm Tin học*	7140210	125	A00	Toán, Lý, Hóa		1. 100
				A01	Toán, Lý, Tiếng Anh		2. 200
				A02	Toán, Lý, Sinh		3. 301
				A04	Toán, Lý, Địa		4. 402
				D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (năm 2023)	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Mã Phương thức xét tuyển
8	Sư phạm Vật lý*	7140211	20	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
9	Sư phạm Hóa học*	7140212	20	A00 B00 D07 A06 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Hóa, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
10	Sư phạm Sinh học*	7140213	20	A02 B00 D08 B02 D90	Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh Toán, Sinh, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
11	Sư phạm Ngữ văn*	7140217	89	C00 C19 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
12	Sư phạm Lịch sử*	7140218	20	C00 C19 D09 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Toán, Sử, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
13	Sư phạm Địa lý*	7140219	20	A07 C00 C04 D10	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Địa Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
14	Sư phạm Âm nhạc*	7140221	112	N00 N01	Văn, Hát, Thảm âm-Tiết tấu Toán, Hát, Thảm âm-Tiết tấu	Hát; Thảm âm- Tiết tấu	1. 100 2. 200 3. 301
15	Sư phạm Mỹ thuật*	7140222	143	H00 H07	Văn, Trang trí, Hình họa Toán, Trang trí, Hình họa	Trang trí; Hình họa	1. 100 2. 200 3. 301
16	Sư phạm Tiếng Anh*	7140231	223	D01 D13 D14 D15	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
17	Sư phạm Công nghệ	7140246	24	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
18	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	384	A00 A02 B00 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
19	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	7140249	247	A07 C00 D14 D15	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
20	Tâm lý học giáo dục 	7310403	50	A00 C00 C19 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (năm 2023)	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Mã Phương thức xét tuyển
21	Địa lý học NEW (Địa lý du lịch)	7310501	30	A07 C00 D14 D15	Toán, Sử, Địa Văn, Sử, Địa Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
22	Việt Nam học* (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	7310630	90	C00 C19 C20 D01	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
23	Ngôn ngữ Anh* - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	7220201	200	D01 D13 D14 D15	Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sinh, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
24	Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	7220204	250	C00 D01 D14 D15	Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Tiếng Anh Văn, Sử, Tiếng Anh Văn, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
25	Quản lý văn hóa (Sự kiện và truyền thông)	7229042	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
26	Quản trị kinh doanh* - Quản trị kinh doanh - Quản trị Marketing	7340101	150	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
27	Kinh doanh quốc tế NEW	7340120	40	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
28	Tài chính - Ngân hàng - Tài chính - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp	7340201	90	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
29	Kế toán* - Kế toán - Kế toán doanh nghiệp	7340301	200	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
30	Quản lý công NEW	7340403	40	A00 A01 C15 D01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Khoa học xã hội Văn, Toán, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
31	Luật NEW	7380101	80	A00 C00 C14 D01	Toán, Lý, Hóa Văn, Sử, Địa Văn, Toán, GDCD Văn, Toán, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
32	Công nghệ sinh học NEW (Mỹ phẩm - y dược; Nông nghiệp; Thực phẩm; Môi trường)	7420201	80	A00 A02 B00 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Sinh Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
33	Khoa học môi trường* (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	7440301	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (năm 2023)	Tổ hợp môn	Môn thi	Môn năng khiếu	Mã Phương thức xét tuyển
34	Khoa học Máy tính* - Công nghệ phần mềm; - Mạng máy tính và an ninh	7480101	190	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
35	Công nghệ thông tin NEW	7480201	110	A00 A01 A02 A04 D90	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Lý, Sinh Toán, Lý, Địa Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
36	Nông học* (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	7620109	40	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
37	Nuôi trồng thủy sản	7620301	60	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
38	Công tác xã hội	7760101	40	C00 C19 C20 D14	Văn, Sử, Địa Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD Văn, Sử, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
39	Quản lý tài nguyên và môi trường NEW	7850101	30	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
40	Quản lý đất đai	7850103	50	A00 A01 B00 D07	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
CÁC NGÀNH CAO ĐẲNG							
1	Giáo dục Mầm non*	51140201	112	M00 M05 C19 C20	Văn, Toán, NK GDMN Văn, Sử, NK GDMN Văn, Sử, GDCD Văn, Địa, GDCD	NK GDMN	1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC MỞ MỚI NĂM 2024							
1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	50	A00 A01 D01 D10	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Địa, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
2	Công nghệ thực phẩm	7540101	50	A00 B00 D07 D08	Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Hóa, Tiếng Anh Toán, Sinh, Tiếng Anh		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402
3	Kỹ thuật xây dựng	7580201	50	A00 A01 D01 C01	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Tiếng Anh Toán, Văn, Tiếng Anh Toán, Văn, Lý		1. 100 2. 200 3. 301 4. 402

Lưu ý:

- Môn năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức.
- Tổ hợp môn A04, A06, B02 không xét tuyển theo mã phương thức 100.

- Tổ hợp môn C15, D90 không xét tuyển theo mã phương thức 200;
- Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2024.
- **23 ngành có “*”** đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình. Riêng ngành Sư phạm Toán học đã được Chứng nhận 5 sao xếp hạng đối sánh chất lượng giáo dục đại học UPM cho Chương trình đào tạo.
- Các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành.
- Thứ tự ưu tiên các mã phương thức: (1) 100; (2) 200; (3) 301; (4) 402.

2. Các phương thức tuyển sinh năm 2024

2.1. Mã phương thức 100: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Xét tuyển dựa vào điểm của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 theo tổ hợp xét tuyển (3 môn thi) ứng với ngành do thí sinh đăng ký.

- Các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển thí sinh có thể tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác phù hợp (thí sinh phải xin giấy xác nhận điểm của trường tổ chức thi gửi cho Trường ĐHĐT **xét** trong thời gian quy định) để làm điều kiện tham gia xét tuyển và có kết quả từ 6,0 trở lên (**xem mục 4**). Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu 02 đợt (**Đợt 1: ngày 30/6/2024; Đợt 2: ngày 28/7/2024**):

+ Ngành Giáo dục Mầm non (CD hoặc ĐH): đối với tổ hợp môn M00, M05 ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Văn, Văn và Sử), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu GDMN.

+ Ngành Giáo dục Thể chất: ngoài 02 môn thi văn hóa (Toán và Sinh; Toán và Địa; Văn và GDCD; Văn và Địa), thí sinh phải đăng ký dự thi môn Năng khiếu TDTT.

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc: ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Hát và Thẩm âm-Tiết tấu).

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật: ngoài 01 môn thi văn hóa (Toán hoặc Văn), thí sinh phải đăng ký dự thi 02 môn Năng khiếu (Trang trí và Hình họa).

- Không sử dụng điểm bảo lưu Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2023 về trước.
- Không sử dụng điểm miễn môn ngoại ngữ.
- Không nhân hệ số môn thi.
- **Không quy định xếp loại học lực lớp 12 của học bạ THPT (kể cả các ngành đào tạo giáo viên).**

2.1.1. Ngành xét tuyển: tất cả 43 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (**xem mục 1**).

2.1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên tuyển **45%** chỉ tiêu ngành.
- Xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên tuyển **45%** chỉ tiêu ngành.

2.1.3. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên:

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (môn Năng khiếu GDMN), ngành Giáo dục Thể chất (môn Năng khiếu TDTT), ngành Sư phạm Âm nhạc (môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu), ngành Sư phạm Mỹ thuật (môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa), thí sinh phải có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải đăng ký và tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác phù hợp (thí sinh phải xin giấy xác nhận điểm của trường tổ chức thi gửi cho Trường ĐHĐT **xét trong thời gian quy định**), **có kết quả từ 6,0 trở lên (xem mục 4).**

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** đạt từ ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Trường ĐHĐT xác định; Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào từ điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông để tuyển sinh các ngành không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học năm 2024 đối với thí sinh ở khu vực 3 có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của tất cả các tổ hợp gồm 3 bài thi/môn thi đạt ngưỡng đầu vào từ 15 điểm trở lên; không có môn nào từ 1,0 điểm trở xuống (thang điểm 10).

2.1.4. Điểm xét tuyển: là tổng điểm các môn thi (thang điểm 10) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Điểm xét tuyển có giá trị từ điểm sàn xét tuyển trở lên, xem như hồ sơ đủ điều kiện xét tuyển.

- Điểm sàn xét tuyển các ngành đào tạo, trừ các ngành có tổ hợp chứa môn năng khiếu

$ĐXT = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm Môn 3}) + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)}$.

- Điểm sàn xét tuyển các ngành đào tạo có tổ hợp chứa môn năng khiếu

+ Ngành Giáo dục Mầm non (cao đẳng, đại học):

$ĐXT = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2}) + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 2/3$

($ĐXT = TO + VA + UT \times 2/3$: M00; $ĐXT = VA + SU + UT \times 2/3$: M05)

+ Ngành Giáo dục Thể chất:

$ĐXT = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2}) + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 2/3$

($ĐXT = VA + GD + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T05; $ĐXT = TO + DI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T06;

$ĐXT = TO + SI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T00; $ĐXT = VA + DI + UT \times 2/3$ theo tổ hợp T07)

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc:

$ĐXT = \text{Điểm môn 1} + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 1/3$

($ĐXT = VA + UT/3$ theo tổ hợp N00; $ĐXT = TO + UT/3$ theo tổ hợp N01)

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật:

$ĐXT = \text{Điểm môn 1} + \text{điểm ưu tiên (KV + đối tượng)} \times 1/3$

($ĐXT = VA + UT/3$ theo tổ hợp H00; $ĐXT = TO + UT/3$ theo tổ hợp H07)

2.1.5. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn số nguyện vọng và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (*ưu tiên 01 là nguyện vọng cao nhất*). Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Đối với mỗi thí sinh, tất cả các nguyện vọng đều được xét tuyển và chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng có ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp môn trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành. Đây chính là điểm xét tuyển của thí sinh cuối cùng trong danh sách trúng tuyển và gọi là điểm chuẩn trúng tuyển của ngành.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở phương thức còn nguồn tuyển.

2.1.6. Lệ phí đăng ký: 20.000 đồng/nguyện vọng (theo quy định của Bộ GDĐT).

Thí sinh chuyển khoản cho Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đầu mối, chủ trì trong việc thu và điều phối lệ phí xét tuyển vào các cơ sở đào tạo đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển tại các địa phương từ thành phố Đà Nẵng trở vào miền Nam, trên cơ sở phần mềm điều phối lệ phí đăng ký chung do trường chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành nhằm cung cấp số liệu và chuyển lệ phí đăng ký xét tuyển đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

2.1.7. Hồ sơ và thời gian ĐKXT Đợt 1:

Trường Đại học Đồng Tháp có ký hiệu là **SPD**, thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung NVXT không giới hạn số lần theo hình thức trực tuyến tại Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia <https://xacthuc.dichvucong.gov.vn>. Các mốc thời gian cụ thể sẽ được thông tin sau khi có hướng dẫn của Bộ GDĐT.

2.2. Mã phương thức 200: Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- Xét tuyển dựa vào:

(1) Điểm trung bình **lớp 12 của 3 môn** trong tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký.

(2) Điểm Trung bình **cả năm lớp 12.**

- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (*môn Năng khiếu GDMN*), ngành Giáo dục Thể chất (*môn Năng khiếu TDTT*), ngành Sư phạm Âm nhạc (*môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu*), ngành Sư phạm Mỹ thuật (*môn Năng khiếu Trang trí và môn*

Năng khiếu Hình họa), thí sinh cần có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác phù hợp (*thí sinh phải xin giấy xác nhận điểm của trường tổ chức thi gửi cho Trường ĐHĐT xét trong thời gian quy định*) và có kết quả từ 6,0 trở lên. Trường ĐHĐT tổ chức thi Năng khiếu vào 02 đợt (*Đợt 1: ngày 30/6/2024; Đợt 2: ngày 28/7/2024*).

2.2.1. Ngành xét tuyển: tất cả 43 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (*xem mục 1*).

2.2.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên tuyển 45% chỉ tiêu ngành.
- Xét tuyển các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên tuyển 45% chỉ tiêu ngành.

2.2.3. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**
 - + Có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy);
 - + Xét tuyển trình độ ĐH sử dụng kết quả học tập cấp THPT có học lực lớp 12 xếp loại **giỏi trở lên** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ **8,0 trở lên**, trừ các trường hợp quy định sau:

- Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên đối với các ngành Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật; ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

- Thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, thí sinh ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật có điểm thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) khi đăng ký xét tuyển vào các ngành phù hợp không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

- Ngoài ra, các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (*môn Năng khiếu GDMN*), ngành Giáo dục Thể chất (*môn Năng khiếu TDTT*), ngành Sư phạm Âm nhạc (*môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thảm âm – Tiết tấu*), ngành Sư phạm Mỹ thuật (*môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa*), thí sinh phải có điểm môn Năng khiếu để tạo thành tổ hợp xét tuyển. Thí sinh phải tham dự kỳ thi Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác phù hợp (*thí sinh phải xin giấy xác nhận điểm của trường tổ chức thi gửi cho Trường ĐHĐT xét trong thời gian quy định*) và **có kết quả từ 6,0 trở lên**.

- **Đối với các ngành không thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên:** Điểm tổ hợp các môn xét tuyển **kết quả học tập lớp 12 THPT** đạt từ **18,0 trở lên** hoặc điểm **Trung bình cả năm lớp 12** đạt từ **6,0 trở lên**.

2.2.4. Điểm xét tuyển: Trung bình cả năm lớp 12 (*thang điểm 10*) hoặc Trung bình lớp 12 của 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (*Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT*) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Thí sinh sử dụng điểm lớn nhất trong 02 loại kết quả trên để đăng ký xét tuyển, không nhân hệ số môn thi.

Ví dụ: Thí sinh tham gia xét tuyển ngành Sư phạm Công nghệ, có **Trung bình cả năm lớp 12** là 8,2 và có **Trung bình lớp 12 của 3 môn** theo tổ hợp khối A00 (Toán=8,5; Lý=8,6; Hóa=8,7) có tổng điểm trung bình là 8,6 lớn nhất trong các tổ hợp xét tuyển của ngành Sư phạm Công nghệ. Thí sinh sử dụng điểm lớn nhất trong 02 loại kết quả trên là 8,6 để đăng ký xét tuyển.

- Các ngành đào tạo, trừ các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển

+ Đối với dùng điểm Trung bình **lớp 12 của 3 môn**:

Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

+ Đối với dùng điểm Trung bình **cả năm lớp 12**:

Điểm xét tuyển = (Điểm Trung bình cả năm lớp 12 x 3) + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

- Các ngành đào tạo có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển

+ Đối với dùng điểm Trung bình **lớp 12 của 3 môn**:

• Ngành Giáo dục Mầm non, ngành Giáo dục Thể chất:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + **Điểm NK** + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

• Ngành Sư phạm Âm nhạc, ngành Sư phạm Mỹ thuật:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + **Điểm NK1** + **Điểm NK2** + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

+ Đối với dùng điểm Trung bình **cả năm lớp 12**:

• Ngành Giáo dục Mầm non, ngành Giáo dục Thể chất:

Điểm xét tuyển = (Điểm Trung bình cả năm lớp 12 x 2) + **Điểm NK** + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

• Ngành Sư phạm Âm nhạc, ngành Sư phạm Mỹ thuật:

Điểm xét tuyển = Điểm Trung bình cả năm lớp 12 + **Điểm NK1** + **Điểm NK2** + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

2.2.5. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký tối đa **04 nguyện vọng** và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (*ưu tiên 01 là nguyện vọng cao nhất*). Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển và không phân biệt thứ tự ưu tiên. Xét theo điểm từ cao xuống thấp.

- Đối với mỗi thí sinh, tất cả các nguyện vọng đều được xét tuyển và chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng có ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành. Đây chính là điểm xét tuyển của thí sinh cuối cùng trong danh sách trúng tuyển và gọi là Điểm chuẩn trúng tuyển của ngành.

- Tiêu chí phụ để xét tuyển, trúng tuyển:

+ Tiêu chí phụ chỉ áp dụng với thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng điểm chuẩn trúng tuyển, vì vậy nếu thí sinh có tổng điểm lớn hơn điểm chuẩn trúng tuyển thì không cần quan tâm đến tiêu chí phụ.

+ Có 2 tiêu chí phụ, sẽ ưu tiên lần lượt theo thứ tự: điểm môn chính cao hơn rồi mới xét đến thứ tự nguyện vọng.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] × Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho mã phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở mã phương thức còn nguồn tuyển.

2.2.6. Lệ phí tuyển sinh:

- **Phí xét tuyển:** 30.000 đồng/nguyên vọng

- **Phí thi năng khiếu:** 300.000 đồng/ngành (Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành có tổ hợp chứa môn năng khiếu, đồng nghĩa với việc thí sinh đã đăng ký dự thi năng khiếu. Các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: ngành cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non đối với tổ hợp môn M00, M05 (*môn Năng khiếu GDMN*), ngành Giáo dục Thể chất (*môn Năng khiếu TDTT*), ngành Sư phạm Âm nhạc (*môn Năng khiếu Hát và môn Năng khiếu Thẩm âm – Tiết tấu*), ngành Sư phạm Mỹ thuật (*môn Năng khiếu Trang trí và môn Năng khiếu Hình họa*))

- Thí sinh có thể nộp phí xét tuyển bằng 02 hình thức:

+ Nộp phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

+ Thanh toán phí xét tuyển/thi tuyển qua hệ thống <https://xettuyen.dthu.edu.vn/>

2.2.7. Hồ sơ, thời gian, hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:

- **Hồ sơ ĐKXT gồm:**

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu 2*);

+ Bản photocopy 2 mặt Căn cước công dân hoặc Mã định danh cá nhân trên 1 mặt giấy A4;

+ Bản photocopy công chứng học bạ THPT hoặc giấy xác nhận điểm học bạ của trường THPT;

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*);

+ 01 bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (*đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước*).

- **Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT:** (*Hết thời gian xét tuyển mỗi đợt, Nhà trường sẽ công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển. Đồng thời sẽ công bố chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển đợt tiếp theo của các ngành còn xét tuyển*)

+ Đợt 1: 01/4/2024 đến 25/6/2024 (dự kiến công bố kết quả 01/7/2024);

+ Đợt 2: 02/7/2024 đến 10/8/2024 (dự kiến công bố kết quả 15/8/2024);

+ Đợt 3 trở lên: thông báo sau nếu còn chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh theo quy định.

- **Hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:**

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website: <https://xettuyen.dthu.edu.vn/> và nộp hồ sơ xét tuyển ĐKXT về Trường:

+ Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp.

+ Hoặc gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại 02773882258.

2.3. Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)

2.3.1. Ngành xét tuyển: tất cả 43 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng Giáo dục mầm non (*xem mục 1*).

2.3.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: tính trong chỉ tiêu mã phương thức 100.

2.3.3. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Nếu thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT, kết quả các môn thi văn hóa không có môn nào có kết quả từ 1,0 (*thang điểm 10*) điểm trở xuống;
- Các đối tượng được đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy được quy định tại Điều 8 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2.3.4. Lệ phí tuyển sinh: 30.000 đồng/nguyên vọng

Thí sinh có thể nộp phí xét tuyển bằng 02 hình thức:

- Nộp phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp
- Thanh toán phí xét tuyển/thi tuyển qua hệ thống <https://xettuyen.dthu.edu.vn/>

2.3.5. Hồ sơ, thời gian, hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:

- Hồ sơ ĐKXT gồm:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu 3*);
- + Bản photocopy 2 mặt CMND/CCCD trên 1 mặt giấy A4;
- + Giấy chứng nhận ưu tiên hoặc giấy xác nhận thành tích (*nếu có*);
- + Bản photocopy công chứng học bạ THPT hoặc giấy xác nhận điểm học bạ của trường THPT;
- + 01 bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (*đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước*).

- Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: (*Hết thời gian xét tuyển mỗi đợt, Nhà trường sẽ công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển. Đồng thời sẽ công bố chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển đợt tiếp theo của các ngành còn xét tuyển*)

- + Đợt 1: 01/4/2024 đến 25/6/2024 (dự kiến công bố kết quả 01/7/2024);
- + Đợt 2: 02/7/2024 đến 10/8/2024 (dự kiến công bố kết quả 15/8/2024);
- + Đợt 3 trở lên: thông báo sau nếu còn chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh theo quy định.

- Hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website: <https://xettuyen.dthu.edu.vn/> và nộp hồ sơ xét tuyển ĐKXT về Trường:

- + Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp.

+ Hoặc gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại 02773882258.

2.4. Mã phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM

2.4.1. Ngành xét tuyển: tất cả 41 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng (*xem mục 1*).

2.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 10% chỉ tiêu ngành.

2.4.3. Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- **Đối với các ngành đào tạo giáo viên:**

+ Có kết quả học bạ lớp 12 (giáo dục chính quy);

+ Xét tuyển các ngành ĐH, người dự tuyển có **học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên** hoặc **điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên**;

+ Tham dự kỳ thi đánh giá năng lực 2024 do ĐHQG TP.HCM tổ chức và có kết quả đạt từ ngưỡng điểm xét tuyển tối thiểu từ 600 trở lên (*theo thang điểm 1200*).

2.4.4. Điểm xét tuyển: kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (*Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT*) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2024 của ĐHQG TP.HCM + điểm ưu tiên (KV + đối tượng).

Điểm ưu tiên giữa các khu vực và đối tượng được quy đổi như sau: khu vực 3 cộng 0 điểm; khu vực 2 cộng 10 điểm; khu vực 2 nông thôn cộng 20 điểm; khu vực 1 cộng 30 điểm. Thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 1 (đối tượng 01, 02, 03, 04) được cộng 80 điểm; thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 2 (đối tượng 05, 06, 07) được cộng 40 điểm.

2.4.5. Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh được đăng ký tối đa 04 nguyện vọng và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (*ưu tiên 01 là nguyện vọng cao nhất*). Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển và không phân biệt thứ tự ưu tiên. Xét theo điểm từ cao xuống thấp.

- Đối với mỗi thí sinh, tất cả các nguyện vọng đều được xét tuyển và chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng có ưu tiên cao nhất trong số các nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển.

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng 01 ngành là bằng nhau và được xác định theo ngành. Đây chính là điểm xét tuyển của thí sinh cuối cùng trong danh sách trúng tuyển và gọi là Điểm chuẩn trúng tuyển của ngành.

- Tiêu chí phụ để xét tuyển, trúng tuyển:

+ Tiêu chí phụ chỉ áp dụng với thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng điểm chuẩn trúng tuyển, vì vậy nếu thí sinh có tổng điểm lớn hơn điểm chuẩn trúng tuyển thì không cần quan tâm đến tiêu chí phụ.

+ Có 2 tiêu chí phụ, sẽ ưu tiên lần lượt theo thứ tự: điểm môn chính cao hơn rồi mới xét đến thứ tự nguyện vọng.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho mã phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở mã phương thức còn nguồn tuyển.

2.4.6. Lệ phí tuyển sinh: 30.000 đồng/nguyên vọng

Thí sinh có thể nộp phí xét tuyển bằng 02 hình thức:

- Nộp phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

- Thanh toán phí xét tuyển/thi tuyển qua hệ thống <https://xettuyen.dthu.edu.vn/>

2.4.7. Hồ sơ, thời gian, hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:

- **Hồ sơ ĐKXT gồm:**

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (*theo mẫu 4*);

+ Bản photocopy 2 mặt CMND/CCCD trên 1 mặt giấy A4;

+ Bản photocopy Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG TP.HCM;

+ Bản photocopy công chứng học bạ THPT hoặc giấy xác nhận điểm học bạ của trường THPT (*nếu xét tuyển các ngành đào tạo giáo viên*);

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*).

+ 01 bản photocopy Bằng tốt nghiệp THPT (*đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2023 trở về trước*).

- **Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT:** (*Hết thời gian xét tuyển mỗi đợt, Nhà trường sẽ công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển. Đồng thời sẽ công bố chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển đợt tiếp theo của các ngành còn xét tuyển*)

+ Đợt 1: 01/4/2024 đến 25/6/2024 (dự kiến công bố kết quả 01/7/2024);

+ Đợt 2: 02/7/2024 đến 10/8/2024 (dự kiến công bố kết quả 15/8/2024);

+ Đợt 3 trở lên: thông báo sau nếu còn chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh theo quy định.

- **Hình thức đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT:**

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website: <https://xettuyen.dthu.edu.vn/> và nộp hồ sơ xét tuyển ĐKXT về Trường:

+ Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp.

+ Hoặc gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại 02773882258.

3. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của Trường:

- Mã trường tuyển sinh: **SPD**.

- Thông tin ngành xét tuyển (*xem mục 1*).
- Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn thi trong cùng 01 ngành là bằng nhau.
- Trường ĐHĐT không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ. Không sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2023 trở về trước để xét tuyển.
- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp (thí sinh tự do) nhưng chưa thực hiện việc đăng ký thông tin cá nhân trên Hệ thống phải thực hiện việc đăng ký để được cấp tài khoản sử dụng cho việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển (NVXT) theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh:
 - + Tải mẫu phiếu đăng ký thông tin cá nhân (Phụ lục) và kê khai thông tin trên phiếu;
 - + Nộp phiếu tại điểm tiếp nhận (theo quy định và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi thí sinh thường trú) để nhận thông tin tài khoản, mật khẩu phục vụ công tác tuyển sinh.
- Hết thời gian xét tuyển mỗi đợt của từng phương thức, Nhà trường sẽ công bố điểm chuẩn trúng tuyển của ngành và danh sách trúng tuyển. Đồng thời sẽ công bố chỉ tiêu và điều kiện xét tuyển đợt tiếp theo của các ngành còn xét.
- Trong trường hợp không sử dụng hết chỉ tiêu tuyển sinh cho phương thức nào thì Nhà trường sẽ chuyển số chỉ tiêu còn lại sang xét tuyển ở phương thức còn nguồn tuyển.
- Riêng đối với các ngành có môn Năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: cao đẳng hoặc đại học Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật ngoài các môn văn hóa (*dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2024 hoặc kết quả học tập THPT*), thí sinh phải đăng ký dự thi các môn Năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức để lấy điểm xét tuyển. Cụ thể xem ở **mục 4**.

4. Tổ chức thi môn Năng khiếu

- Trường ĐHĐT tổ chức thi trực tiếp các môn năng khiếu cho các ngành có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển: Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế diễn biến dịch bệnh tại địa phương, Hội đồng tuyển sinh của Trường ĐHĐT quyết định duy trì tổ chức thi năng khiếu tuyển sinh theo phương án trực tiếp hoặc bổ sung, chuyển đổi phương án tổ chức thi năng khiếu trực tuyến. (Lưu ý: Đối với việc tổ chức thi năng khiếu trực tuyến, Hội đồng thi có phương án hậu kiểm khi thí sinh nhập học chính thức; Kết quả thi cùng các tài liệu liên quan khác về quá trình tổ chức thi phải được lưu trữ, bảo quản đầy đủ, an toàn phục vụ công tác hậu kiểm.)
- **Thời gian thi môn năng khiếu tại trường Đại học Đồng Tháp dự kiến:**
 - + Đợt 1: ngày 30/6/2024;
 - + Đợt 2: ngày 28/7/2024 (*nếu còn chỉ tiêu xét tuyển*);
 - + Đợt 3 trở lên: nếu còn chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh theo quy định.
- **Hồ sơ đăng ký thi năng khiếu**
 - + Phiếu đăng ký thi năng khiếu (*theo mẫu 1; mẫu 2; mẫu 4*);
 - + Bản photocopy 2 mặt CMND/CCCD trên 1 mặt giấy A4;

- + Bản photocopy công chứng học bạ THPT (nếu xét theo phương thức 2);
- + Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có và xét theo phương thức 2, phương thức 4);
- + 02 ảnh 4x6 (chụp không quá 6 tháng);
- + Phí thi năng khiếu: 300.000 đồng/ngành

Thí sinh có thể nộp phí xét tuyển bằng 02 hình thức:

- Nộp phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp.
- Thanh toán phí xét tuyển/thi tuyển qua hệ thống <https://xettuyen.dthu.edu.vn/>

- Thời gian đăng ký thi môn năng khiếu

- + Đợt 1: 01/4/2024 đến 25/6/2024;
- + Đợt 2: 06/7/2024 đến 23/7/2024 (nếu còn chỉ tiêu xét tuyển);
- + Đợt 3 trở lên: nếu còn chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh theo quy định.

- Hình thức đăng ký và nộp hồ sơ thi môn năng khiếu:

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến qua website: <https://xettuyen.dthu.edu.vn/> và nộp hồ sơ thi môn năng khiếu về Trường:

- + Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp.

+ Hoặc gửi hồ sơ xét tuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp; 783, Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại 02773882258.

- Nội dung thi các môn năng khiếu

(1) Ngành Giáo dục Mầm non (CD hoặc DH)

Thí sinh dự thi môn năng khiếu với 02 nội dung thi: **Hát, Đọc diễn cảm.**

- Nội dung **Hát**: Các bài hát Việt Nam được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch cho phép lưu hành. Yêu cầu chung của phần thi hát: thể hiện được phong cách, sắc thái, tình cảm của tác phẩm. Trang phục phù hợp với nội dung, thể loại tác phẩm trình bày. Có thể tự chuẩn bị và sử dụng nhạc đệm khi dự thi.

- Nội dung **Đọc diễn cảm**: Mỗi thí sinh bốc thăm và đọc văn bản với các thể loại thơ, truyện hoặc đoạn văn miêu tả (có văn bản phát cho thí sinh). Yêu cầu: Phát âm chuẩn; Đọc đầy đủ nội dung văn bản mẫu; Đọc đúng ngữ điệu (ngắt, nhấn, nhịp...); Yêu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, ánh mắt...).

(2) Ngành Sư phạm Âm nhạc

Thí sinh dự thi 02 môn năng khiếu: **môn Hát, môn Thẩm âm – Tiết tấu**

- Môn **Hát**: Các bài hát Việt Nam được Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch cho phép lưu hành. Yêu cầu: Thuộc lời; Phát âm rõ, lấy hơi hợp lý; Hát chuẩn xác giai điệu cả bài (đúng cao độ, đúng trường độ); Thể hiện được sắc thái, tình cảm phù hợp với nội dung bài hát; Lựa chọn và trình bày bài hát phù hợp với chất giọng, có giá trị nghệ thuật; Phong cách biểu diễn tự tin; Hát kết hợp tốt với nhạc đệm); Không hát ca khúc thiếu nhi.

- Môn **Thẩm âm – Tiết tấu**: Thí sinh nghe (hoặc nhìn) gõ và thực hiện lại tiết tấu; Thí sinh nghe và thực hiện lại sau khi nghe đàn.

(3) Ngành Sư phạm Mỹ thuật

Thí sinh dự thi 02 môn năng khiếu: **môn Trang trí, môn Hình họa**

- Môn **Trang trí**: Vẽ trang trí hình vuông; hình tròn; hình chữ nhật.
- Môn **hình họa**: Vẽ đầu tượng hoặc tĩnh vật bằng bút chì.

(4) Ngành Giáo dục thể chất

Thí sinh dự thi 04 nội dung năng khiếu: **Chạy 30m tốc độ cao, Bật cao tại chỗ, Gập dẻo, thể hình.**

- Nội dung **Chạy 30m tốc độ cao** (Đơn vị tính bằng giây)
- Nội dung **Bật cao tại chỗ** (Đơn vị tính bằng xăng-ti-mét)
- Nội dung **Gập dẻo**: Gập người về phía trước (Đơn vị tính bằng xăng-ti-mét)
- Kiểm tra **Thể hình**: đo chiều cao, cân nặng,...

5. Chính sách ưu tiên của Trường:

Tất cả thí sinh học tại các Trường THPT, THCS - THPT, Trung tâm GDTX được xét trao học bổng khi trúng tuyển nhập học vào Trường Đại học Đồng Tháp và đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 như sau:

- Miễn học phí học kỳ đầu tiên đối với thí sinh có tổ hợp xét tuyển đạt từ 25 điểm trở lên (*không tính điểm ưu tiên*) và cả năm lớp 12 đạt loại Giỏi. Đối với thí sinh trúng tuyển các ngành đào tạo giáo viên đã được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí sẽ được nhận mức học bổng tương ứng với mức học phí Khối ngành VII.

- Tiếp tục miễn học phí cho thí sinh nếu đạt kết quả học lực loại Giỏi và kết quả rèn luyện loại tốt trở lên ở những học kỳ tiếp theo.

Nhà trường thực hiện chi trả cho sinh viên theo học các ngành đào tạo giáo viên (ngành sư phạm) theo Nghị định 116/2020 với mức chi trả là 3.630.000 đồng/tháng.

6. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa
		Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ.				
		2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	
1	Các ngành sư phạm: Giáo dục Mầm non(CĐ+ĐH); Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Sư phạm Toán học; Sư phạm Tin học; Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học; Sư phạm Sinh học; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Lịch sử; Sư phạm Địa lý; Sư phạm Âm nhạc;	Miễn học phí hoặc đóng theo học phí nhóm ngành VII (nếu thí sinh không đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP)				

TT	Tên ngành đào tạo	Mức thu học phí dự kiến theo từng năm học				Tổng học phí toàn khóa
		Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ.				
		2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	
	Sư phạm Mỹ thuật; Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Công nghệ; Sư phạm Khoa học Tự nhiên; Sư phạm Lịch sử và Địa lý					
2	Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Quản lý công; Luật; Kinh doanh quốc tế	450	530	630	750	59.400
3	Khoa học môi trường; Công nghệ sinh học	480	570	680	810	63.900
4	Nông học; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học máy tính; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng	520	620	740	880	69.300
5	Công tác xã hội; Quản lý văn hóa; Việt Nam học; Quản lý đất đai; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Tâm lý học Giáo dục; Địa lý học; Quản lý Tài nguyên và môi trường	470	570	680	800	63.600

7. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển cao đẳng, đại học hệ chính quy năm 2024

Địa chỉ website tuyển sinh của trường: tuyensinh.dthu.edu.vn

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Trưởng phòng, Phòng BĐCL	0277. 3882258	nqtuan@dthu.edu.vn
2	Hà Vũ Hoàng	Chuyên viên, Phòng BĐCL	0949892982 (Zalo)	vuhoang@dthu.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Nguyễn Trí Túc	Chuyên viên, Phòng CTSV&TT	0277. 3995599	nttuc@dthu.edu.vn
4	Bùi Ngọc Ngà	Chuyên viên, Phòng CTSV&TT	0277. 3995599	bnnga@dthu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP